

MẪU NHÃN

L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g

LOLA FORLIVER

Rx Thuốc kê đơn

GMP - WHO



GMP - WHO

Rx Thuốc kê đơn

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g



Hộp 10 gói x 4,5 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cũng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

- Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng.

DẠNG BAO CHẾ: Thuốc có màng phủ cứng dễ uống.

BẢO QUẢN:

- Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS

SDK:

LSX:
NSX:
HSD:



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3
Địa chỉ: Số 16 Lê Duẩn, Minh Khai, Long Bình, Hải Phòng
Nhà máy: Số 28 đường 351, Núi Sơn, An Dương, Hải Phòng



THÀNH PHẦN: Mỗi gói có 4,5 g chứa:
L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g
Thành phần tá dược: Mannitol, Lactose monohydrat, Aspartam, Acid citric, Hương trái cây tổng hợp dạng bột (Vitamin).

CHỈ ĐỊNH:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cũng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:

Liều dùng: Liều khuyến cáo từ 1 - 2 gói có Lolaforliver/lần, uống 1-3 lần/ngày.

Cách dùng: Hoà tan thuốc cầm vào một cốc nước lớn, uống cùng hoặc sau bữa ăn. Thuốc cầm sau khi hoà trong nước cần uống ngay, không nên để lâu trong ngày.

Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn - hiệu quả.

GMP - WHO

Rx Thuốc kê đơn

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g



Hộp 10 gói x 4,5 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cũng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

MẪU NHÃN

CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

- Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng.

DẠNG BẢO CHẾ: Thuốc cốm nửa dung dịch uống.

BẢO QUẢN:

- Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS

SDK:

LSX:

NSX:

HSD:



FORIPHARM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3
Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành 1, Phố Bắc, Phường Bắc, TP. Hải Phòng
Nhà máy: Số 28, Đường 351, Nam Sơn, Huyện Dương, TP. Hải Phòng



L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g

LOLA FORLIVER

Rx Thuốc kê đơn

GMP - WHO

Rx Thuốc kê đơn

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cũng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

Hộp 20 gói x 4,5 g

THÀNH PHẦN: Mỗi gói cốm 4,5 g chứa:
L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g
Thành phần tá dược: Mannitol, Lactose monohydrat, Aspartam, Acid citric, Hương trái cây tổng hợp dạng bột (Vị cam).

CHỈ ĐỊNH:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cũng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:

Liều dùng: Liều khuyến cáo từ 1 - 2 gói cốm Lpolaforliver/ lần, uống 1-3 lần/ ngày.

Cách dùng: Hoà tan thuốc cốm vào một cốc nước lớn, uống cùng hoặc sau bữa ăn. Thuốc cốm sau khi hoà trong nước cần uống ngay, không nên để lâu trong ngày.

Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn - hiệu quả.

GMP - WHO

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cũng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

Hộp 20 gói x 4,5 g

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3
M.S.D.N: 0200572501-C.T.C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3 (FORIPHARM)

QUỐC LÃI HẢI PHÒNG

MẪU NHÃN

CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

- Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng.

DẠNG BẢO CHẾ: Thuốc cốm pha dung dịch uống.

BẢO QUẢN:

- Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS

SDK:

LSX:

NSX:

HSD:



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Địa chỉ: 56 - 5 Lê Đại Hành, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Nhà máy: 55-28 đường 391, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng



LOLA FORLIVER

Rx Thuốc kê đơn

GMP - WHO

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g



Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cũng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

Hộp 30 gói x 4,5 g

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

HỒNG BÀNG - TP. HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

(FORIPHARM)

GMP - WHO

Rx Thuốc kê đơn

LOLA FORLIVER

L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g



Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cũng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

Hộp 30 gói x 4,5 g

THÀNH PHẦN: Mỗi gói cốm 4,5 g chứa:

L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g

Thành phần tá dược: Mannitol, Lactose monohydrat, Aspartam, Acid citric, Hương trái cây tổng hợp dạng bột (Vị cam).

CHỈ ĐỊNH:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cũng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

CÁCH DÙNG - LIỀU DÙNG:

Liều dùng: Liều khuyến cáo từ 1 – 2 gói cốm Lolaforliver/ lần, uống 1-3 lần/ ngày.

Cách dùng: Hoà tan thuốc cốm vào một cốc nước lớn, uống cùng hoặc sau bữa ăn. Thuốc cốm sau khi hoà trong nước cần uống ngay, không nên để lâu trong ngày.

Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn – hiệu quả.



MẪU NHÃN

GMP - WHO

Rx Thuốc kê đơn

LOLA FOR LIVER

L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g

Gói cốm 4,5 g

Điều trị trong trường hợp:

- Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cùng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

THÀNH PHẦN: Mỗi gói cốm 4,5 g chứa:
L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g
Thành phần tá dược: Mannitol, Lactose monohydrat, Aspartam, Acid citric, Hương trái cây tổng hợp dạng bột (Vị cam).

CHỈ ĐỊNH: Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cùng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

CÁCH DÙNG – LIỀU DÙNG:
Liều dùng: Liều khuyến cáo từ 1 – 2 gói cốm Lolaforliver/ lần, uống 1-3 lần/ ngày.
Cách dùng: Hoà tan thuốc cốm vào một cốc nước lớn, uống cùng hoặc sau bữa ăn. Thuốc cốm sau khi hoà trong nước cần uống ngay, không nên để lâu trong ngày.
Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn – hiệu quả.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC:
- Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng.

BẢO QUẢN: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

Tiêu chuẩn: TCCS

SĐK:

LSX:

NSX:

HSD:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3
Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng
Nhà máy: Số 28, đường 351, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

R LOLAFORLIVER

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Để xa tầm tay trẻ em

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

1. THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC: Mỗi gói cốm 4,5 g chứa:

Thành phần dược chất: L-Ornithine L-Aspartate 3,0 g

Thành phần tá dược: Mannitol, Lactose monohydrat, Aspartam, Acid citric, Hương trái cây tổng hợp dạng bột (Vị cam).

2. DẠNG BÀO CHẾ: Thuốc cốm pha dung dịch uống

(Gói chứa thuốc cốm màu trắng hoặc trắng ngà. Thuốc cốm phải khô, không bị hút ẩm, mùi thơm, vị ngọt.)

3. CHỈ ĐỊNH:

Điều trị các rối loạn hay biến chứng do suy giảm chức năng thải độc gan như: xơ gan, viêm gan, gan nhiễm mỡ, bệnh gan do rượu, cùng với hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng.

4. CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG:

Liều dùng: Liều khuyến cáo từ 1 – 2 gói cốm Lolaforliver/ lần, uống 1-3 lần/ ngày.

Cách dùng: Hoà tan thuốc cốm vào một cốc nước lớn, uống cùng hoặc sau bữa ăn. Thuốc cốm sau khi hoà trong nước cần uống ngay, không nên để lâu trong ngày.

Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn – hiệu quả.

5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Mẫn cảm với thành phần của thuốc.

Suy thận nặng. Theo các hướng dẫn điều trị, bệnh nhân có mức creatinin huyết thanh từ 3mg/100mL trở lên có thể dùng được thuốc.

6. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Không dùng quá liều chỉ định của thuốc.

Trẻ em và trẻ vị thành niên: Không khuyến cáo dùng cho đối tượng này do chưa đủ dữ liệu an toàn – hiệu quả.

Tác dụng dược lý đáng lưu ý của tá dược:

- Thuốc này có chứa 70 mg aspartame trong mỗi gói cốm. Aspartame là nguồn dinh dưỡng giàu phenylalanine. Chất này có thể có hại nếu bệnh nhân mắc chứng phenylceton niệu, một rối loạn di truyền hiếm gặp gây tích lũy phenylalanine do cơ thể không thể đào thải nó như bình thường.



- Thuốc có chứa lactose. Nếu bệnh nhân được bác sĩ chẩn đoán có rối loạn dung nạp với một số loại đường nhất định (ví dụ, một số rối loạn di truyền hiếm gặp như không dung nạp fructose, không dung nạp galactose, galactose máu hoặc kém hấp thu glucose-galactose), hãy hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng thuốc này.

7. SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Phụ nữ có thai

Chưa có dữ liệu về sử dụng Ornithin aspartate trên phụ nữ có thai. Dữ liệu về độc tính trên sinh sản của động vật còn hạn chế. Do đó, không nên dùng Ornithin aspartate cho phụ nữ có thai. Tuy nhiên, nếu cần kê đơn Ornithin aspartate, phải cân nhắc kỹ lợi ích-rủi ro trước khi sử dụng.

Phụ nữ cho con bú

Chưa rõ Ornithin aspartate có được bài tiết vào sữa mẹ hay không. Do đó, không nên dùng Ornithin aspartate cho phụ nữ đang cho con bú. Tuy nhiên, nếu cần kê đơn Ornithin aspartate, phải cân nhắc kỹ lợi ích-rủi ro trước khi sử dụng.

8. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Chưa ghi nhận các tác dụng bất lợi của Ornithin aspartate ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc. Tuy nhiên, các bệnh nhân được kê đơn Ornithin aspartate đang có bệnh mạn tính, nên cần cân nhắc tình trạng sức khỏe trước khi tiến hành các hoạt động này.

9. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Tương tác của thuốc:

Chưa có nghiên cứu nào về tương tác thuốc được thực hiện. Chưa có tương tác thuốc nào được ghi nhận.

Tương kỵ của thuốc:

Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Việc đánh giá, phân loại tần suất được thực hiện trên thang đánh giá sau:

Rất thường gặp: $\geq 1/10$; Thường gặp: $\geq 1/100$ đến $<1/10$; Ít gặp: $\geq 1/1.000$ đến $<1/100$; Hiếm gặp: $\geq 1/10.000$ đến $<1/1.000$; Rất hiếm gặp: $<1/10.000$; Không rõ: chưa ước tính được từ dữ liệu hiện có.

Rối loạn tiêu hoá:

Ít gặp: Buồn nôn, nôn, đau bụng, đầy hơi, tiêu chảy.

Rối loạn hệ cơ xương khớp và mô liên kết:

Rất hiếm gặp: Đau nhức cơ thể.

Tuy nhiên, các tác dụng không mong muốn này thường chỉ thoáng qua và không cần thiết phải ngừng dùng thuốc.

***Chú ý:** “Thông báo cho bác sĩ các tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.”

11. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Chưa ghi nhận bất kỳ triệu chứng nhiễm độc nào khi dùng quá liều Ornithin aspartate.

Khi dùng quá liều, tiến hành điều trị triệu chứng thích hợp.

12. ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC:

Nhóm dược lý: Thuốc điều trị rối loạn chức năng gan (điều trị hội chứng não gan có hoặc không có triệu chứng).

Mã ATC: A05BA17

L-Ornithine L-aspartate thể hiện các đặc tính dược lực học trong cơ thể thông qua hai acid amin: ornithine và aspartate, trên hai con đường chuyển hoá thải độc amoni: chu trình tổng hợp ure và tổng hợp glutamine.

Chu trình tổng hợp ure xảy ra ở các tế bào gan khoảng cửa. Trong các tế bào này, ornithine có vai trò vừa hoạt hoá 2 enzyme ornithine carbamoyltransferase và carbamoyl phosphate synthetase, vừa là cơ chất của chu trình tổng hợp ure.

Chu trình tổng hợp glutamine xảy ra ở các tế bào gan quanh tĩnh mạch trung tâm. Cụ thể, trong tình trạng bệnh lý, aspartate và các dicarboxylate khác là chất chuyển hoá của aspartate sẽ được thu nhận vào tế bào và dùng để cố định amoni dưới dạng glutamine. Glutamate cả trong sinh lý hay bệnh lý đều đóng vai trò acid amin giúp cố định amoni. Chất tổng hợp được, glutamine, không chỉ là một hợp chất amin cố định không gây độc, mà còn hoạt hoá chu trình ure quan trọng (trao đổi glutamine liên bào). Trong sinh lý bình thường, ornithine và aspartate không giới hạn chỉ tham gia chu trình tổng hợp ure.

Dữ liệu thực nghiệm trên động vật cho thấy việc tăng tổng hợp glutamine là một cơ chế giúp giảm và thải độc amoni. Ở một số thử nghiệm lâm sàng nhỏ, đã ghi nhận cải thiện tỉ lệ giữa các amoni acid mang chuỗi nhánh và amino acid mang vòng thơm.

13. ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC:

L-ornithine L-aspartate được hấp thu nhanh chóng tại ruột và được tách thành ornithine và aspartate. Cả 2 amino acid này đều có thời gian bán thải thấp, khoảng 0,3-0,4 giờ. Một phần aspartate được thải qua nước tiểu ở nguyên dạng.

14. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 10 gói x 4,5 gam, gói nhôm; 20 gói x 4,5 gam, gói nhôm; 30 gói x 4,5 gam, gói nhôm.

15. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: Nơi khô, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

16. HẠN DÙNG: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

17. TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC: TCCS.

18. TÊN, ĐỊA CHỈ CƠ SỞ SẢN XUẤT:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Địa chỉ: Số 16 Lê Đại Hành, Minh Khai, Hồng Bàng, Hải Phòng

Nhà máy: Số 28, đường 351, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

